CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Lilama 18

Ngày 30/06/2025	13,750 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.3%	**5.1%**	**9.0%**

DT thuần
Q2/25
308
tỷ VNĐ
QoQ: ▼108| -25.9%
YoY: ▼62.0| -16.7%

LN thuần
Q2/25
25.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.5| 187%
YoY: ▲ 23.4| 1224%

LN sau thuế
Q2/25
0.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.35| -95.9%
YoY: ▼4.20| -94.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
2.8%
YoY: +/-▼ 0.7%

ROE (TTM)
Q2/25
4.9%
YoY: +/-▼ 1.4%

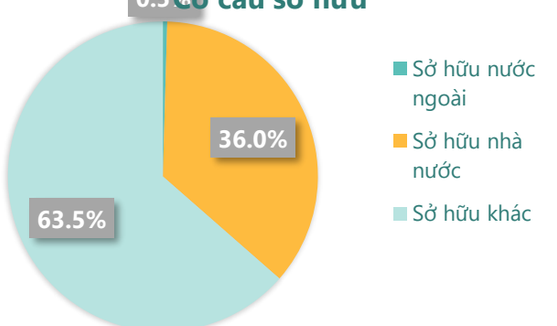
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	11,304 - 15,414
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	129
Số lượng CPLH (CP)	9,388,682
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,900
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.17
EPS	1,576
P/E	8.7

DT thuần
6T 2025
724
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 63.0| 9.6%

LN thuần
6T 2025
34.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.9| 448%

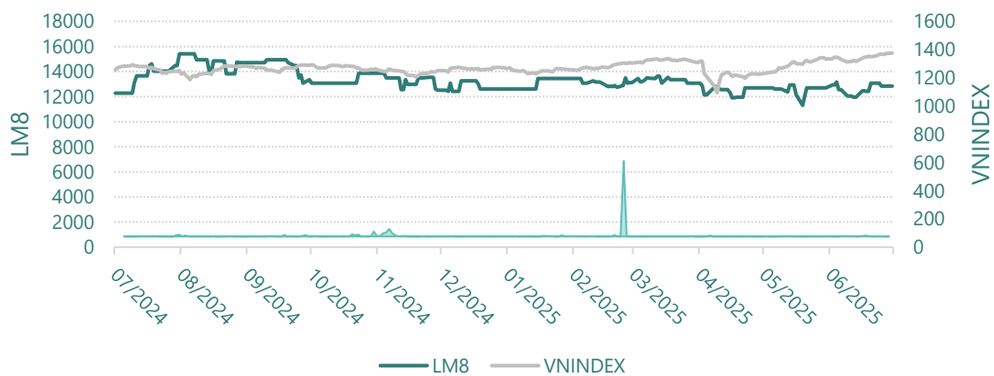
LN sau thuế
6T 2025
5.81
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.59| -21.5%

Cơ cấu sở hữu

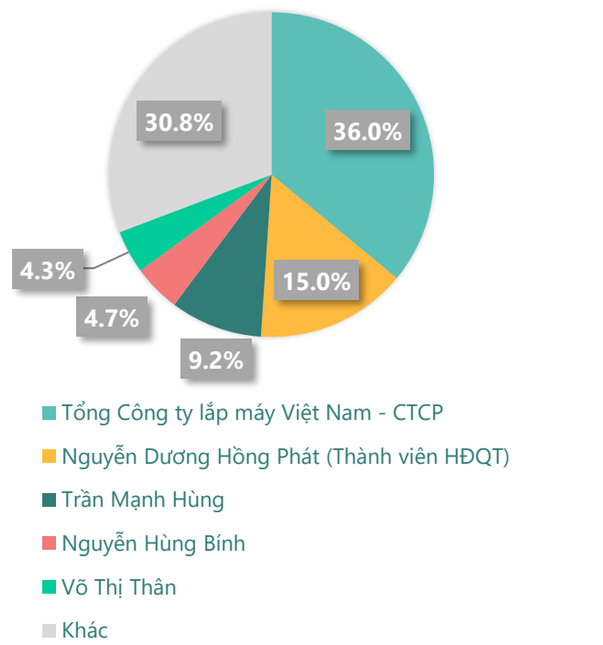


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



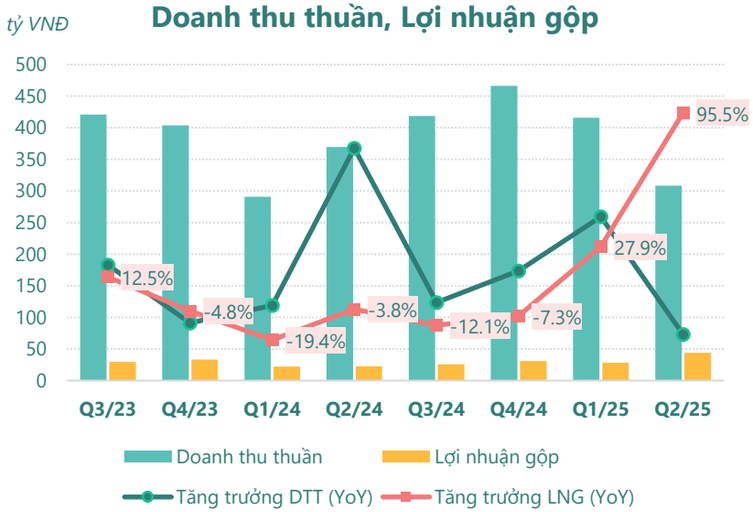
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

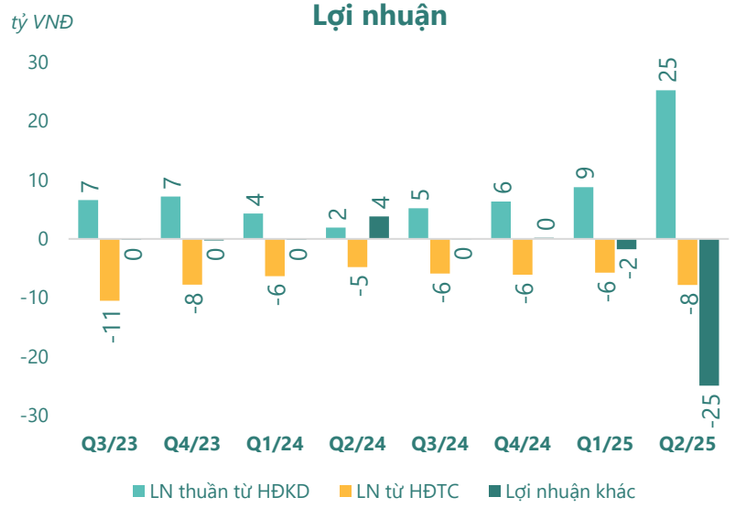
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



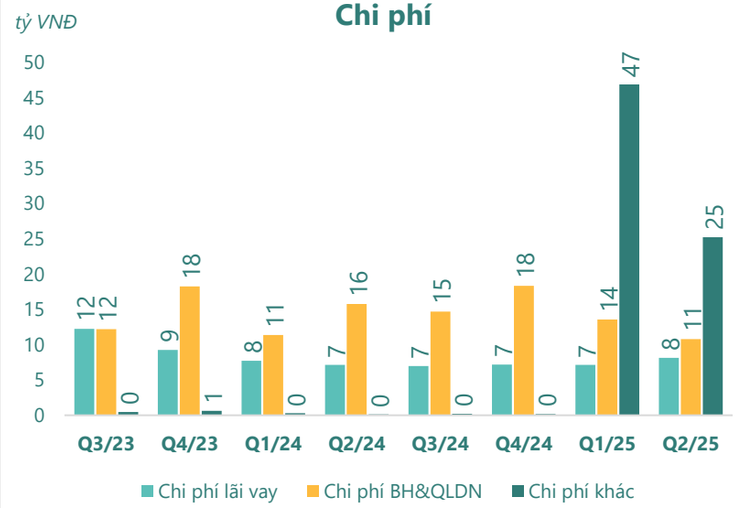
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



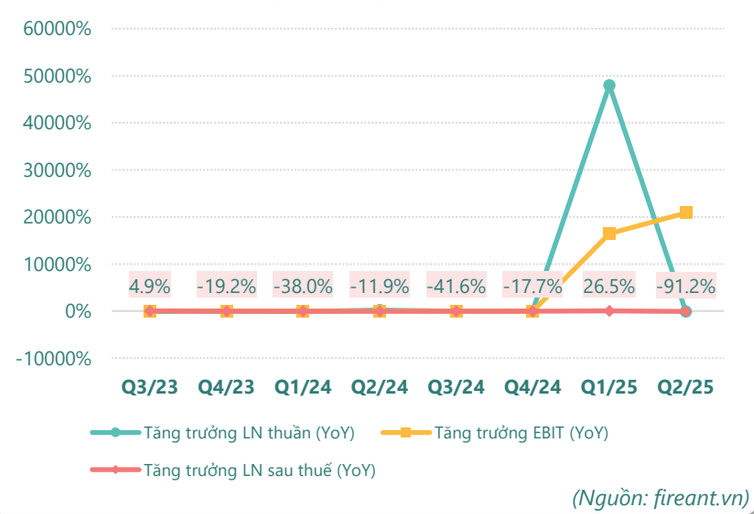
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



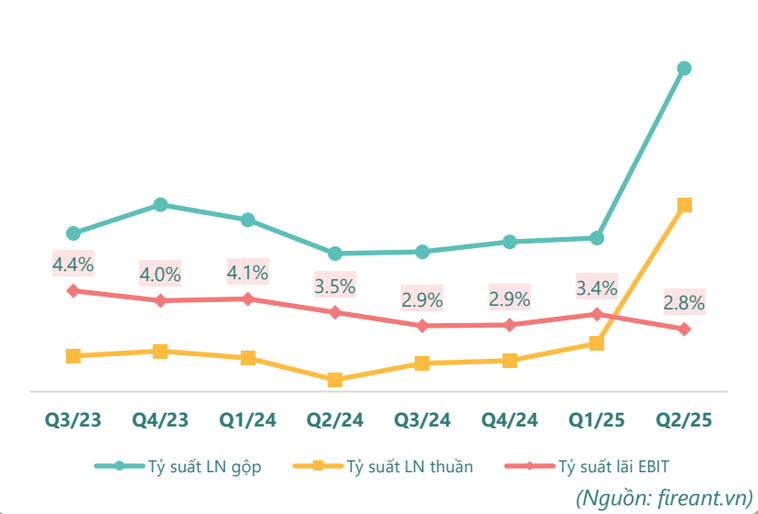
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

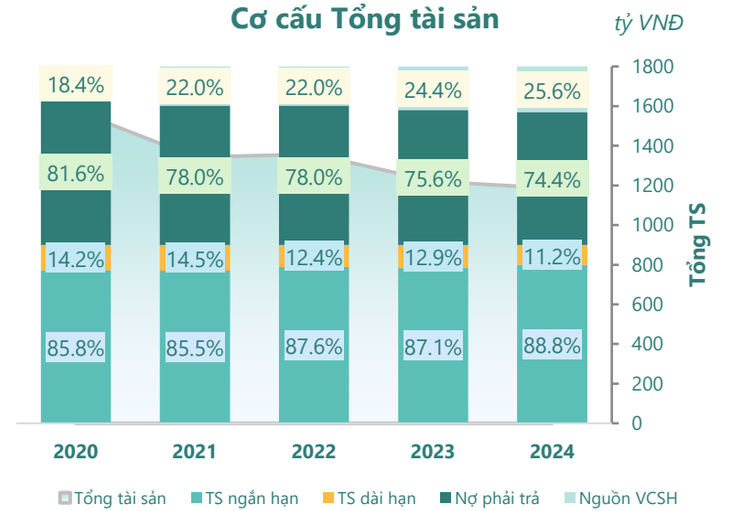
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

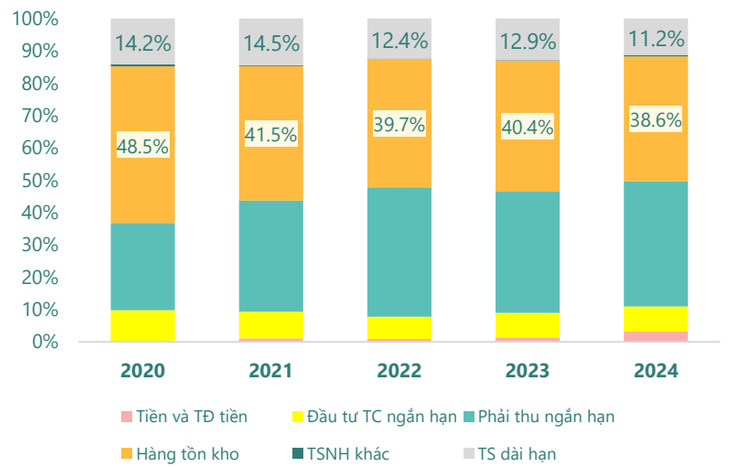
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



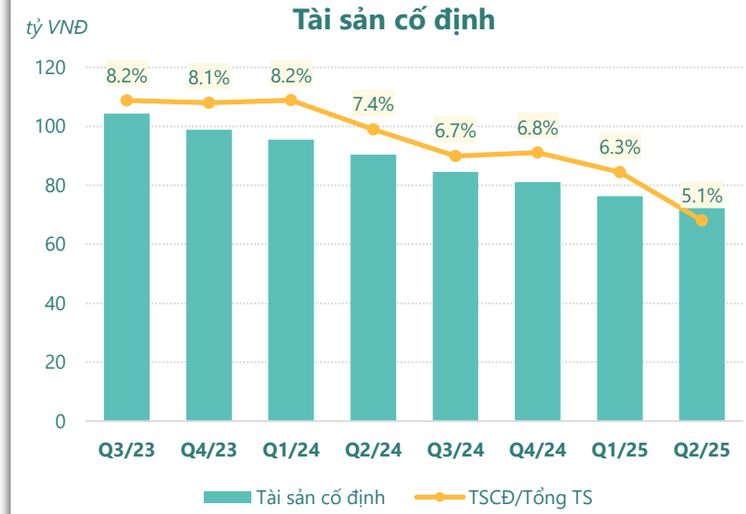
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



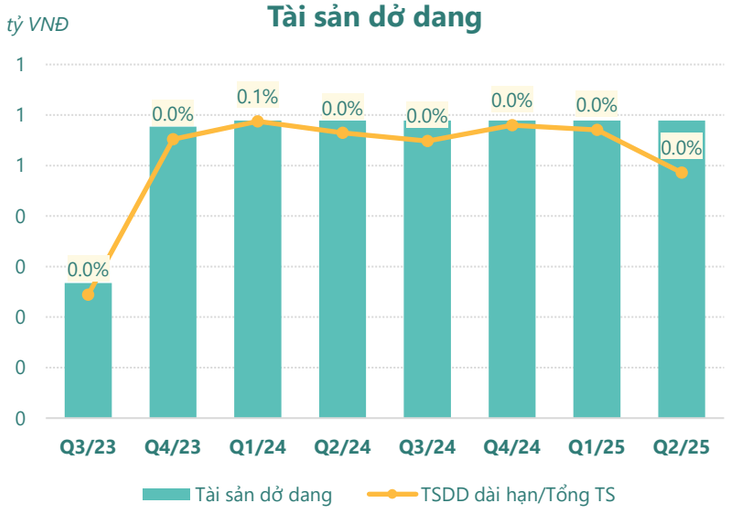
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



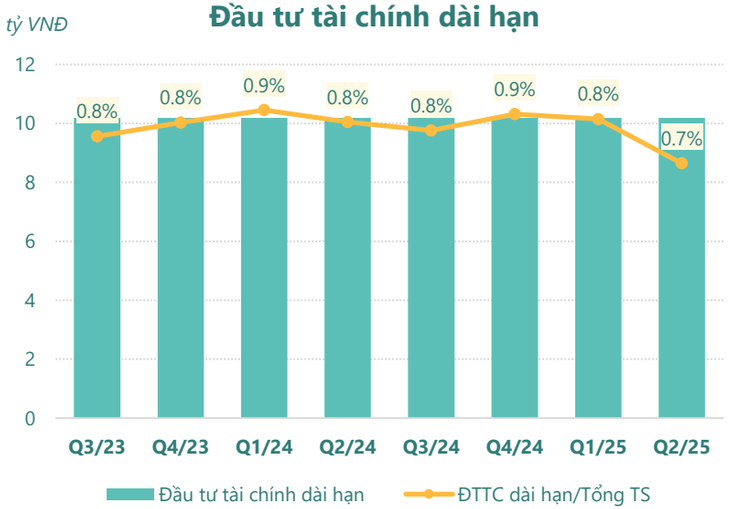
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



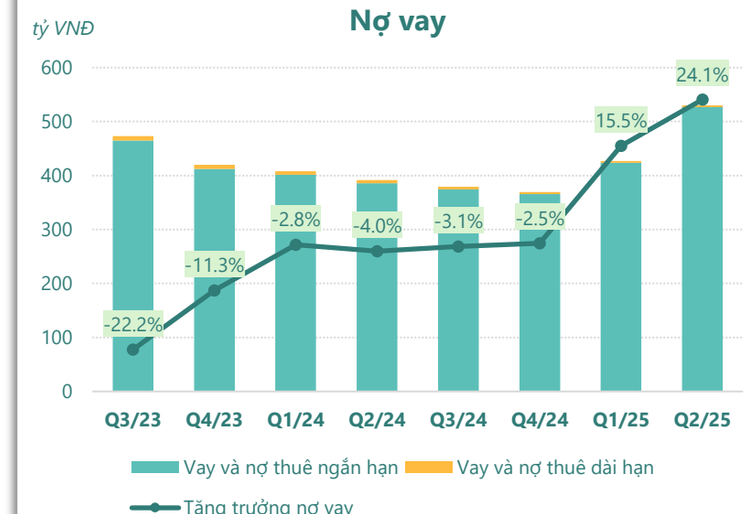
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

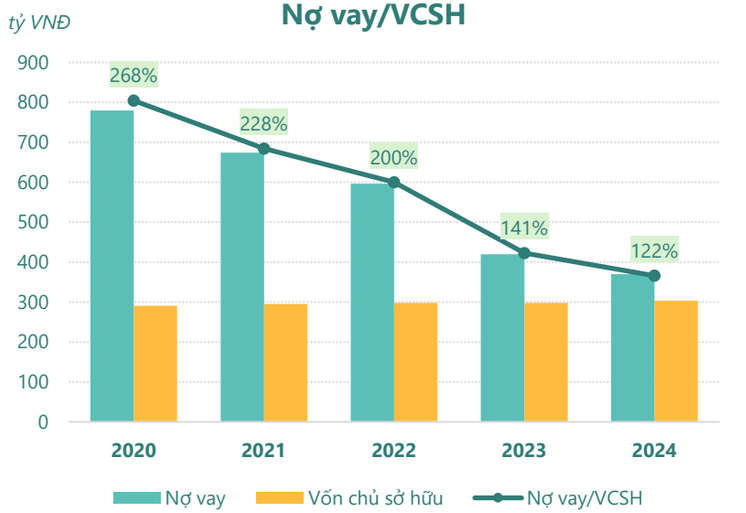
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



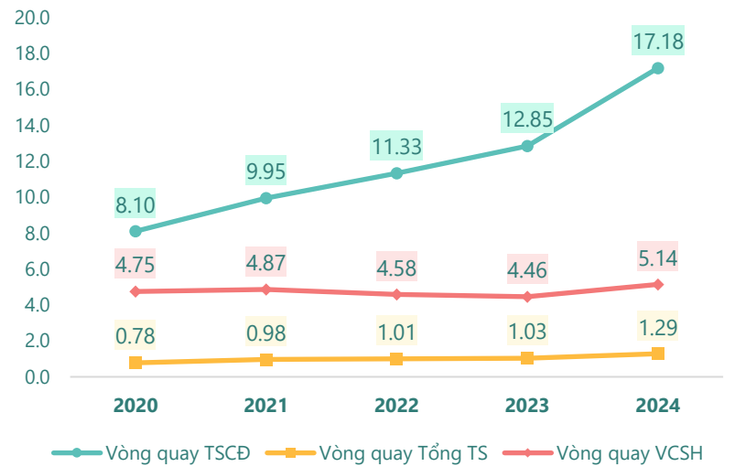
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



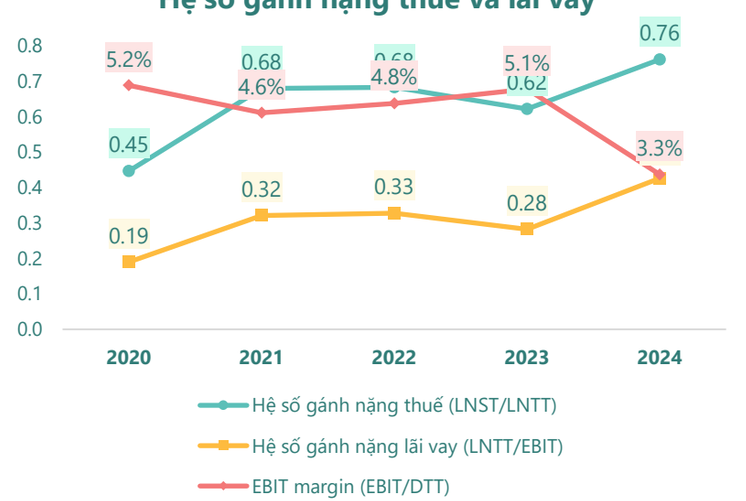
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



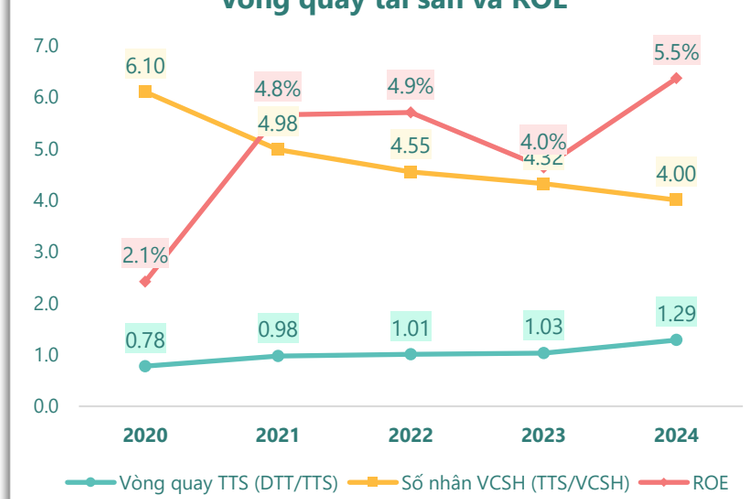
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



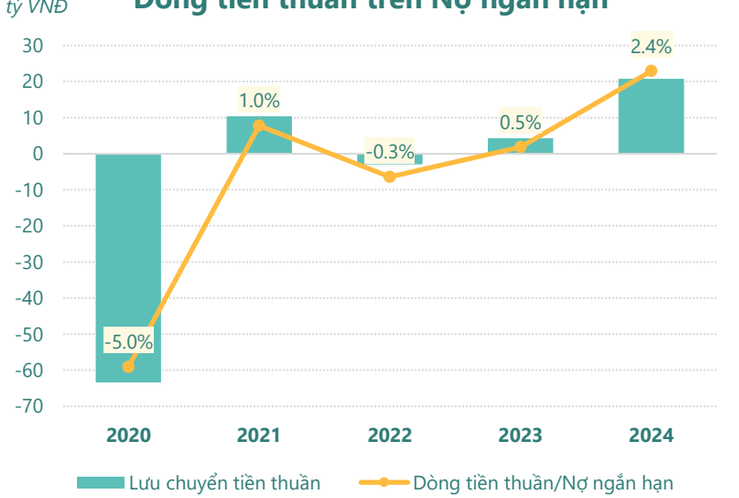
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**308**	**370**	**-16.7%**	**724**	**661**	**9.6%**
Giá vốn hàng bán	264	347	-23.8%	652	616	5.8%
Lợi nhuận gộp	44.0	22.5	95.4%	72.1	44.5	62.0%
Doanh thu HĐTC	1.34	2.65	-49.4%	2.77	4.07	-32.1%
Chi phí TC	9.20	7.44	23.6%	16.4	15.2	7.7%
Chi phí lãi vay	8.15	7.16	13.8%	15.3	14.9	2.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**10.8**	**15.8**	**-31.6%**	**24.4**	**27.2**	**-10.2%**
LN thuần từ HĐKD	25.3	1.91	1224%	34.1	6.22	448%
Lợi nhuận khác	**-25.0**	**3.84**	**-750%**	**-26.7**	**3.65**	**-833%**
LN trước thuế	0.35	5.74	-94.0%	7.39	9.87	-25.1%
Lợi nhuận sau thuế	**0.23**	**4.43**	**-94.8%**	**5.81**	**7.40**	**-21.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.23**	**4.43**	**-94.8%**	**5.81**	**7.40**	**-21.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.33	24.9	39.0	16.9	-25.3	-171
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.35	-2.43	0.15	1.46	0.16	3.96
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.7	-16.4	-21.5	-9.62	57.1	103
Tiền đầu kỳ	16.4	4.68	10.8	28.5	37.1	69.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-11.7**	**6.10**	**17.7**	**8.68**	**31.9**	**-64.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.00	0.00	0.01	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	4.68	10.8	28.5	37.1	69.1	4.70

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,415**	**1,186**	**19.3%**
Tài sản ngắn hạn	1,296	1,052	23.2%
Tiền và tương đương tiền	4.70	37.1	-87.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	88.1	93.0	-5.3%
Phải thu ngắn hạn	739	459	60.8%
Hàng tồn kho	461	457	0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	3.49	5.55	-37.1%
Tài sản dài hạn	**119**	**133**	**-11.1%**
Phải thu dài hạn	1.64	1.52	7.7%
Tài sản cố định	72.2	81.1	-10.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.59	0.59	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.2	10.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**33.9**	**40.0**	**-15.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,110	883	25.7%
Nợ ngắn hạn	**1,058**	**878**	**20.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	527	365	44.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	170	171	-0.6%
Nợ dài hạn	51.9	4.23	1127%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.78	4.23	-34.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**305**	**303**	**0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**305**	**303**	**0.6%**
Vốn điều lệ	93.9	93.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)